TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2018
V/v:ly hôn giữa bà T và ông D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Bà Bùi Thị Kim Thủy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18-12-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 13-03-2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-11-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28-11-2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Minh T -sn:1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 409 tổ 1, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT.

2.*Bị đơn*: Ông Đoàn Văn D -sn:1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 409 tổ 1, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT.

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ:169 phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D Quyết Thắng (vắng mặt) - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D1 -sn:1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)- chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Đ, tỉnh BRVT.

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đinh Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, quyển số 01/2008 ngày 02-05-2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống tại tổ 1, khu phố Phước Trung, thị trấn Đất Đỏ. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do ông D mê cờ bạc, gây nợ nần nên phải bán hết tài sản trong nhà trả nợ. Mâu thuẩn trầm trọng phát sinh vào năm 2017 vì bà T và ông D mâu thuẩn về kinh tế trong nhà dẫn đến gây gổ, đánh nhau. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay bà T cảm thấy không còn tình cảm với ông D nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là Đoàn Thị Trà M- sinh ngày 14-06-2006, hiện đang sống cùng bà T và ông D. Nay ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của bà T mỗi tháng là 6.000.000đ. không có chứng cứ gì để chứng minh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay bà T và ông D có nợ Ngân hàng C (viết tắt là NHCSXH) Việt Nam-Phòng giao dịch C huyện Đ số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn. Nay ly hôn bà T tự nguyện trả toàn bộ số nợp gốc 50.000.000đ

cho C Việt Nam theo kỳ hạn (trả nợ gốc 12 tháng một lần với số tiền 10.000.000đ tính từ ngày vay 26-06-2018) và khi đến hạn (ngày 10-06-2023) theo hợp đồng ngày 26-06-2018, mã món vay 6600000713160253 và lãi suất phát sinh hàng tháng cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn và lãi phát sinh thì NHCSXH Việt Nam được quyền khởi kiện bà T đối với số nợ trên.

- Bị đơn ông Đoàn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông D vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

- Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10-09-2018 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C Việt Nam bà Nguyễn Thị Ngọc D1 trình bày:

Ngày 26-06-2018 bà Đinh Thị Minh T và ông Đoàn Văn D có vay NH C Việt Nam số tiền gốc là 50.000.000đ, có ký vay vốn mã món vay 6600000713160253 theo chương trình hộ cận nghèo chuẩn tỉnh tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT. Mục đích vay là nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 8,316%/năm, lãi suất quá hạn 10,8108%/năm. Hiện nay bà T yêu cầu ly hôn với ông D thì NHCSXH Việt Nam đồng ý để bà T trả toàn bộ số nợ gốc 50.000.000đ cho NHCSXH Việt Nam theo kỳ hạn (trả nợ gốc 12 tháng một lần với số tiền 10.000.000đ tính từ ngày vay 26-06-2018) và khi đến hạn (ngày 16-06-2023) theo hợp đồng ngày 26-06-2018, mã món vay 6600000713160253 và lãi suất phát sinh hàng tháng cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn và lãi phát sinh thì NHCSXH Việt Nam được quyền khởi kiện bà T bằng vụ án khác.

Bà D1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đúng theo những quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẩn giữa các bên là trầm trọng, đã sống ly thân, chung sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Ông D dù đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến chứng tỏ ông D bỏ mặc mâu thuẩn giữa hai bên, không muốn hàn gắn, ông D còn có hành vi bạo lực gia đình nên đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở, các bên có 01 con chung, bà T yêu cầu nuôi con còn ông D không thể hiện ý kiến và con chung có nguyện vọng sống cùng bà T, bà T có thu nhập nên chấp nhận theo yêu cầu của bà T. Về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu nên không xem xét, ghi nhận sự việc thỏa thuận là bà T và ông D có nợ NHCSXH Viện Nam 50.000.000đ và bà T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc, lãi theo hợp đồng cho Ngân hàng. Đề nghị HĐXX căn cứ các phân tích trên xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Ông D dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt còn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà Dung là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà T và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, quyển số 01/2008 ngày 02-05-2008 (BL 08) nên là hôn nhân hoàn toàn

hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng theo bà T thì vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do ông D mê cờ bạc, gây nợ nần nên phải bán hết tài sản trong nhà trả nợ. Mâu thuẩn trầm trọng phát sinh vào năm 2017 vì bà T và ông D mâu thuẩn về kinh tế trong nhà dẫn đến gây gổ, đánh nhau. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay bà T cảm thấy hai bên không còn tình cảm với ông D nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Ông D dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi bà T và ông D sinh sống cũng như người thân của bà T và ông D thể hiện vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẩn, thường xuyên cãi nhau, ông D nhiều lần đánh đập bà T cơ quan Công an thị trấn Đất Đỏ phải xuống làm việc, vợ chồng vẫn chung sống một nhà (BL 22,38) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không tôn trọng lẫn nhau mà còn đánh đập nhau nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà T là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà T là được ly hôn với ông D.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà T và ông D có 01 con chung là Đoàn Thị Trà M sinh ngày 14-06-2006 (BL 09), hiện đang sống cùng bà T và ông D. Nay ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Do ông D không đến phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này và nguyện vọng của con chung là được sống cùng bà T (BL 22) nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà T, nếu sau này ông D có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết và ông D vắng mặt nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giữa bà T và phía NH C Việt Nam đều thống về khoản nợ mà bà T và ông D vay của phía Ngân hàng cũng như thời hạn vay, khoản nợ gốc, kỳ hạn trả nợ…đều này cũng phù hợp với chứng cứ mà các bên cung cấp (BL 30->33) nên xác định bà T và ông D có nợ phía Ngân hàng khoản nợ 50.000.000đ và hiện nay giữa bà T và phía

Ngân hàng cùng thống nhất là bà T đứng ra trả nợ cho Ngân hàng như trong hợp đồng vay đã thỏa thuận, nếu bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn và lãi phát sinh thì NHCSXH Việt Nam được quyền khởi kiện bà T bằng vụ án khác. Xét thấy việc thống nhất trên là có lợi cho ông D nên ghi nhận.

[5]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà T phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, điểm b tiểu mục 1.3, Mục1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Còn việc ghi nhận thống nhất trả nợ không phải trường hợp chịu án phí.

[6]*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, điểm b tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Minh T đối với ông Đoàn Văn D.

1. Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Minh T được ly hôn với ông Đoàn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là Đoàn Thị Trà M sinh ngày 14-06-2006, hiện đang sống cùng bà T và ông D. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D có trách nhiệm giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn bà T, ông D đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

3.1. Ghi nhận việc thống nhất thỏa thuận giữa bà Đinh Thị Minh T và Ngân hàng C Việt Nam:

Bà Đinh Thị Minh T và ông Đoàn Văn D hiện còn nợ Ngân hàng C Việt Nam số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mã món vay 6600000713160253, kỳ hạn trả nợ 60 tháng, trả nợ gốc 12 tháng một lần với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tính từ ngày vay 26-06-2018, kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16-06-2023, với mức lãi suất 8,316%/năm, lãi suất quá hạn 10,8108%/năm. Bà T có trách nhiệm đứng ra thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng C Việt Nam. Nếu bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn và lãi phát sinh thì NHCSXH Việt Nam được quyền khởi kiện bà T bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008396 ngày 07-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND xã L, Đ, BRVT;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Diệp Lai